TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **783**/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hưng**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Ngọc Phương.**
2. Bà **Nguyễn Ngọc Thuỷ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Minh Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 617/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 327/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP SG TT**
Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Gia T**; sinh năm 1971; (Ông Thế có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy uỷ quyền số 2505/2024/UQ-TT.XLN ngày 10/12/2024).

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh Đ**, sinh năm 1981; (vắng mặt)
Địa chỉ cũ: C7/30 F3, xã BH, huyện BC, Thành phố H.
Nay là địa chỉ : C7/30 F3 ấp 42, xã BH, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17/6/2024 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín trình bày:

Ngày 01/11/2021, ông Trần Minh Đ có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Master; Số thẻ: 526830 –

6003; Hạn mức: 20.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 01/11/2021; Lãi suất áp dụng: 2.766%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đức đã thực hiện các giao dịch rút tiền với tổng số tiền là 128.132.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đức chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 115.183.000 đồng. Sau đó ông Đức vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đức vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đức vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 16/7/2023 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông Đức tính tới thời điểm ngày 16/7/2023 là 24.630.999 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất nợ trong hạn, cụ thể lãi suất nợ quá hạn là 2.776%/tháng x 150% = 4.149%/tháng.

Do ông Đức vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đức phải trả số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 52.121.454 đồng (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 24.630.999 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.490.455 đồng.

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Minh Đ phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Đức thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Trần Minh Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh Đ trả lại số tiền vay là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Minh Đ có nơi cư trú tại C7/30 F3, xã BH, huyện BC, Thành phố H. Nay là địa chỉ : C7/30 F3 ấp 42, xã BH, Thành phố H. Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Trần Gia T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Trần Minh Đ đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông Đức vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đức theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Ông Trần Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông Đức đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông Đức phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng

TMCP Sài Gòn Thương Tín và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định:

"Khoản 1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…

Khoản 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án".

[6] Theo nội dung "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng " ngày 01/11/2021 thì có căn cứ xác định vào ngày 01/11/2021 ông Trần Minh Đ có đơn đề nghị và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã cấp cho ông Đức thẻ tín dụng: Loại thẻ: Master; Số thẻ: 526830 – 6003; Hạn mức: 20.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 01/11/2021; Lãi suất áp dụng: 2.766%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đức đã thực hiện các giao dịch rút tiền với tổng số tiền là 128.132.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đức chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 115.183.000 đồng. Do ông Đức vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 16/7/2023 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông Đức tính tới thời điểm ngày 16/7/2023 là 24.630.999 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất nợ trong hạn, cụ thể lãi suất nợ quá hạn là 2.766%/tháng x 150% = 4.149%/tháng.

[7] Như vậy "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng " ngày 01/11/2021 giữa các bên được xác định là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất. Do là hợp đồng vay có kỳ hạn nên theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu ông Trần Minh Đ trả nợ khi đã quá hạn trả nợ mà hai bên thỏa thuận.

[8] Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định".*

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác".*

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định: *"2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

[9] Do sau khi được cấp Thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, ông Trần Minh Đ đã thực hiện các giao dịch rút tiền với tổng số tiền là 128.132.000 đồng và ông Đức chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền là 115.183.000 đồng nên từ ngày 16/7/2023 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông Đức tại thời điểm ngày 16/7/2023 là 24.630.999 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất nợ trong hạn, cụ thể lãi suất nợ quá hạn là 2.766 x 150% = 4.149%/tháng. Do đó việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Đức trả số tiền còn nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày

29/9/2025 là 52.121.454 đồng (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 24.630.999 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.490.455 đồng và yêu cầu ông Trần Minh Đ phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Đức thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

[10] Căn cứ những nhận định tại [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Trần Minh Đ trả số tiền còn nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 52.121.454 đồng (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 24.630.999 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.490.455 đồng và yêu cầu ông Trần Minh Đ phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Đức thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Trần Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm là: 2.606.073 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 92, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 7, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với ông Trần Minh Đ.

Buộc ông Trần Minh Đ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 52.121.454 đồng (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 24.630.999 đồng, nợ lãi quá hạn là 27.490.455 đồng.

Ông Trần Minh Đ phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến ngày ông Đức hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Trần Minh Đ phải chịu 2.606.073 đồng (hai triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn không trăm bảy mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 881.482 đồng mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã đóng theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004323 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Nay là Phòng Thi hành án Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đươc quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10, TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;



Nguyễn Trọng Hưng